

Số: 59/QĐ-THPTNK

Vĩnh Bảo, ngày 23 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc khen thưởng học sinh đạt danh hiệu học sinh xuất sắc, học sinh
giỏi năm học 2024-2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NGUYỄN KHUYẾN

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và phổ thông nhiều cấp học;

Căn cứ Công văn số 2474/SGDDĐT-GDTrH ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng hướng dẫn về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 88/KH-THPTNK ngày 28/9/2024 của trường THPT Nguyễn Khuyến về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-THPTNK ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Khuyến về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của trường THPT Nguyễn Khuyến giai đoạn 2024-2026;

Căn cứ vào Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh năm học 2024-2025;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng thi đua - khen thưởng nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng giấy khen và phần thưởng cho 61 học sinh đạt danh hiệu học sinh xuất sắc, 527 học sinh giỏi năm học 2024-2025 (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Kinh phí khen thưởng được trích từ nguồn kinh phí thường xuyên, hỗ trợ giáo dục. Mức khen thưởng cho học sinh được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ;

Điều 3. Hội đồng thi đua, khen thưởng, Ban chuyên môn, kế toán, tài vụ và cá nhân có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đăng Website;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Huy Hùng

DANH SÁCH
Học sinh đạt học sinh đạt danh hiệu học sinh xuất sắc, học sinh giỏi
năm học 2024-2025
(Theo quyết định số: 59/QĐ-THPTNK, ngày 23 tháng 5 năm 2025
của Hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Khuyến)

TT	Lớp	TS học sinh được khen	Danh hiệu	
			HS Xuất sắc	HS Giỏi
1	10C1	10		10
2	10C2	06		06
3	10C3	01		01
4	10C4	08		08
5	10C5	06		06
6	10C7	24	01	23
7	10C8	01		01
8	10C9	02		02
9	10C10	05		05
10	11B1	37	03	34
11	11B2	12		12
12	11B3	04		04
13	11B4	21		21
14	11B5	19		19
15	11B6	03		03
16	11B7	37	06	31
17	11B8	03		03
18	11B9	05		05
19	11B10	04		04
20	12A1	44	09	35
21	12A2	39	06	33
22	12A3	36	01	35
23	12A4	39	04	35
24	12A5	43	05	38
25	12A6	21		21
26	12A7	44	24	20
27	12A8	40	01	39
28	12A9	29	01	28
29	12A10	18		18
30	12A11	27		27